

# CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG S HOME

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG S HOME

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY CP KT XD S HOME

2. Mã số doanh nghiệp: 3801187732

3. Ngày thành lập: 16/11/2018

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Ấp 2, Xã Tiên Thành, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 08 88814188

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4299        |
| 2.  | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2790        |
| 3.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4322        |
| 4.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3100        |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4663        |
| 6.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4212        |
| 7.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1811        |
| 8.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5022        |
| 9.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7310        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5229        |
| 11. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4330        |
| 12. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn, thiết kế, thẩm định, thẩm tra công trình xây dựng cầu, đường giao thông, công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế kết cấu công trình giao thông, cầu đường bộ. Khảo sát địa hình xây dựng; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế quy hoạch xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông. | 7110(Chính) |
| 13. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4222        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4312        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4329        |
| 16. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1622        |

|     |                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện | 1629 |
| 18. | Xây dựng nhà để ở                                                                        | 4101 |
| 19. | Xây dựng nhà không để ở                                                                  | 4102 |
| 20. | Xây dựng công trình điện                                                                 | 4221 |
| 21. | Phá dỡ                                                                                   | 4311 |
| 22. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                           | 2511 |
| 23. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                              | 2599 |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                           | 4933 |
| 25. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                 | 7020 |
| 26. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                      | 4390 |
| 27. | Xây dựng công trình công ích khác                                                        | 4229 |
| 28. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                    | 4321 |
| 29. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                             | 2592 |
| 30. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                  | 5012 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | MAI NGỌC HUỲNH   | Xóm Lê Lợi, Xã Xuân Ninh, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 225.000    | 2.250.000.000         | 45,000    | 036084008672                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 225.000    | 2.250.000.000         | 45,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐỖ ANH TUẤN      | Số 1012, ấp 4, Xã Tiến Thành, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 225.000    | 2.250.000.000         | 45,000    | 285068808                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 225.000    | 2.250.000.000         | 45,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | PHẠM QUANG TRUNG | Ấp 4, Xã Tiến Thành, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông | 50.000     | 500.000.000           | 10,000    | 285135098                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 50.000     | 500.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

Thời gian đăng từ ngày 16/11/2018 đến ngày 16/12/2018

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **ĐỖ ANH TUẤN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *20/04/1984*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *285068808*

Ngày cấp: *22/08/2018*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Bình Phước*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 1012, ấp 4, Xã Tiến Thành, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Ấp 4, Xã Tiến Thành, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Phước